

Lào Cai, ngày 09 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
(Từ 01/01/2017 - 31/12/2017)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300102876
- Vốn điều lệ: 177.176.650.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Nhà nước): 163.169.650.000 đồng
- Địa chỉ: số 037, đường Nguyễn Huệ, P. Lào Cai, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
- Số điện thoại: 0214 3830 224 - Số fax: 0214 3830 224
- Website: capnuoclaocai.com.vn; capnuoclaocai.vn
- Mã cổ phiếu: LWS
- Ngày giao dịch đầu tiên (trên thị trường Upcom): 22/12/2017

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai, tiền thân là công ty cấp thoát nước Lào Cai được thành lập tại quyết định số 59/QĐ - UB ngày 18/02/1993 của UBND tỉnh Lào Cai. Đến ngày 24/10/2006 chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai theo quyết định số 3020/QĐ-UBND. Từ ngày 01/6/2016 Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 5300102876 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Ngay từ ngày đầu thành lập với 25 CBCNV, cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn. Ban lãnh đạo cùng cán bộ công nhân viên công ty đã vượt qua khó khăn, xây dựng một số trạm sản xuất nước, chủ yếu là cung cấp nước thô có công suất từ 300 đến 500 m³/ng.đêm, lắp đặt mạng lưới đường ống cung cấp nước cho các cơ quan và Nhân dân trên địa bàn thị xã Lào Cai, phục vụ nhu cầu thiết yếu của thị xã những ngày đầu tái lập tỉnh.

Năm 1994, từ nguồn vốn tài trợ của chính phủ Pháp, hệ thống cấp nước của thị xã Lào Cai được mở rộng, xây dựng một dây truyền xử lý công suất 6.000m³/ ng.đêm theo công nghệ hiện đại. Đến năm 1998, xây dựng thêm một dây truyền công suất 6.000m³/ ng.đêm nâng công suất hệ thống cấp nước Thị xã Lào Cai lên 12.000m³/ng.đêm.

Từ năm 2000 đến nay, ngoài việc tiếp tục nâng công suất của hệ thống cấp nước Thành phố Lào Cai lên 33.000m³/ng.đêm, Công ty đã xây dựng và tiếp nhận bàn giao quản lý khai

thác hệ thống cấp nước của 8 trung tâm huyện lỵ (Sa Pa, Bảo Thắng, Văn Bàn, Bảo Yên, Mường Khương, Bát Xát, Simacai, Bắc Hà) và khu công nghiệp thị trấn Tăng Loỏng, mở rộng độ bao phủ cấp nước trên toàn tỉnh với Tổng công suất (thiết kế) là **93.000m³/ng.đêm.**

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

- Ngành nghề kinh doanh:

	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	3600
2	Lắp đặt, xây dựng các công trình cấp thoát nước.	43221
3	Xây dựng các công trình điện năng có cấp điện áp đến 35kv.	43210
4	Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, san lấp mặt bằng, làm đường giao thông trong mặt bằng xây dựng.	42990;431
5	Mua bán vật tư thiết bị chuyên ngành xây dựng, cấp thoát nước.	46591
6	Kinh doanh, nhập khẩu hóa chất; Nhập khẩu vật tư máy và thiết bị, phương tiện vận tải, vật tư thiết bị điện tử.	46692
7	Sản xuất nước lọc tinh khiết đóng chai, bình.	11041
8	Tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế công trình cấp thoát nước.	74100
9	Quản lý dự án, Giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.	71109
10	Kiểm nghiệm chất lượng nước, dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh đường kính đến ϕ 25.	71200

- Địa bàn kinh doanh: Khu vực Thành phố Lào Cai và trung tâm 8 huyện lỵ, trung tâm xã Bản Vược - Huyện Bát Xát, khu công nghiệp thị trấn Tăng Loỏng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHDCĐ):** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty theo Điều 11 Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (Điều 25, Điều 36, Điều 37 Điều lệ công ty).

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban kiểm soát:** Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- **Ban Tổng giám đốc:** Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3.2. **Cơ cấu bộ máy quản lý:** Công ty có 6 phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc khối văn phòng; 12 chi nhánh trực thuộc đóng trên các địa bàn 08 huyện, lỵ, thành phố, và Khu công nghiệp.

Danh sách phòng chuyên môn nghiệp vụ và các chi nhánh trực thuộc:

Tên phòng/chi nhánh

Địa chỉ

Các phòng chuyên môn

1. Phòng Tổ chức hành chính
2. Phòng Tài chính kế toán;
3. Phòng Kế hoạch - Đầu tư;
4. Phòng Kỹ thuật - Vật tư
5. Phòng thí nghiệm chất lượng nước
6. Phòng Quản lý kinh doanh

Văn phòng công ty, đồi 117, P.Lào Cai, TP Lào Cai

Các chi nhánh (CN) trực thuộc

1. CN cấp nước số 1 TP Lào Cai
2. CN cấp nước số 2 TP Lào Cai
3. CN cấp nước Huyện Bảo Thắng
4. CN cấp nước Huyện Bảo Yên
5. CN cấp nước Huyện Sa Pa
6. CN cấp nước Huyện Mường Khương
7. CN cấp nước Huyện Bắc Hà
8. CN cấp nước Huyện SiMaCai
9. CN cấp nước Huyện Bát Xát
10. CN cấp nước Huyện Văn Bàn
11. CN cấp nước Khu CN Tầng Loỏng
12. CN Trung tâm Đồng hồ nước

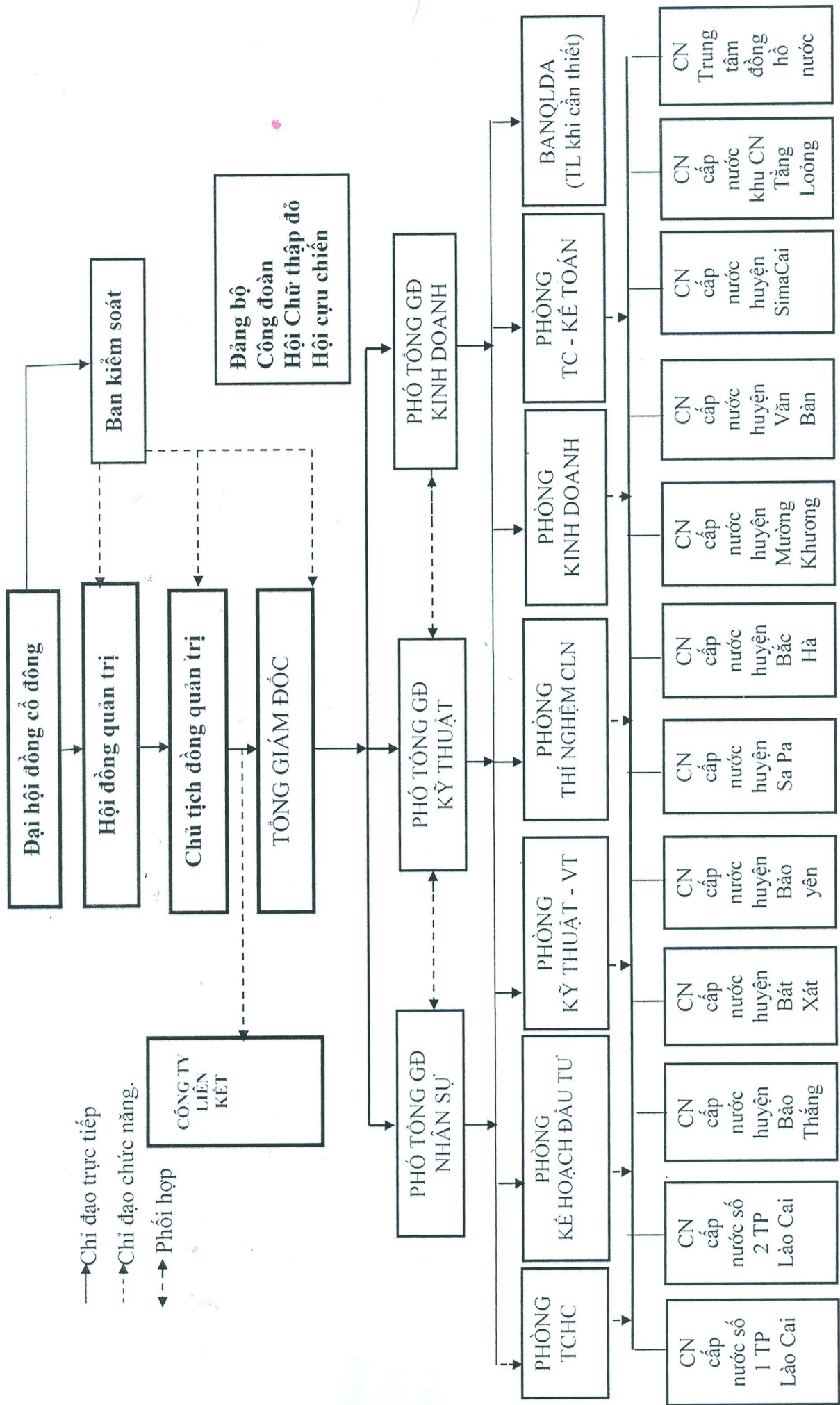
Số 037, đường Nguyễn Huệ, P Lào Cai, TP Lào Cai
 Số 358, đường Hoàng Quốc Việt, P.Bắc Cường, TP Lào Cai
 Số 203, đường 4E, TTr. Phố Lu, huyện Bảo Thắng
 Số 75, đường Ngô Quyền, TTr Phố Ràng, H. Bảo Yên
 Tổ 11, Thác Bạc, Thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa
 Số 01 đường Giải phóng 11/11, Thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương
 Khu dân cư số 2, Thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà
 Thôn phố cũ, xã SiMaCai, huyện SiMaCai
 Số 056, đường Hùng Vương, TTr. Bát Xát, H. Bát Xát
 Tổ 6, Đ.Điện Biên Phủ, TTr.Khánh Yên, H Văn Bàn.
 Tổ 4, đường 151, TTr. Tầng Loỏng, H. Bảo Thắng
 Đồi Nhạc Sơn, P.Kim Tân, TP. Lào Cai

3.3. Công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ	Số cổ phần	Số vốn thực góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp
Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai	Số 001 - đường Kim Thành - P. Kim Tân - TP Lào Cai	79.226	792.260.000	24,992%

Kể từ ngày 01/11/2017 tỷ lệ vốn góp của công ty vào Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai là 24,992%, (với ngành nghề kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, Xây dựng các công trình giao thông, Kinh doanh vật tư hàng hóa, dịch vụ mua bán vật liệu.....). Do đó Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai không còn là công ty mẹ của Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai. Vì vậy, tại thời điểm 31/12/2017, công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI



4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Công ty tiếp tục duy trì là doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực cấp nước của tỉnh.
- Chất lượng sản phẩm và thái độ phục vụ khách hàng được chú trọng hàng đầu.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, bảo toàn phát triển vốn góp của cổ đông.
- Nâng cao đời sống của người lao động (NLD) trong doanh nghiệp, gắn mục tiêu phát triển của công ty với lợi ích nhà nước, lợi ích các cổ đông.
- Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý điều hành.
- Xây dựng đội ngũ NLD đoàn kết, năng động, tay nghề cao, nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng suất lao động và kinh doanh có hiệu quả.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể của UBND tỉnh Lào Cai, Công ty đầu tư các dự án trọng điểm, cải tạo xây dựng mới các nhà máy nước và hệ thống tuyến ống phân phối phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030.
- Thực hiện dự án chống thất thu thất thoát theo khu vực, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2019 xuống còn 20%, và xuống 18% vào năm 2020;
- Thực hiện lộ trình thoái vốn nhà nước với tỷ lệ năm giữ < 50% vốn điều lệ, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước, nâng độ bao phủ cấp nước đô thị đạt 100%.
- Luôn đảm bảo cung cấp nước sạch đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN:01-2009/BYT của Bộ y tế; ĐTXD phòng thí nghiệm chất lượng nước đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005;
- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác quản trị của Ban Điều hành.. Hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến năm 2020 - 2025, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị cho NLD.
- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ, thực hiện chiến lược “*coi trọng khách hàng*” để phát triển.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững.

- Hoạt động kinh doanh bảo toàn vốn chủ sở hữu của các cổ đông. Đầu tư hiệu quả các dự án, nâng cao năng lực, quy mô cấp nước trên toàn tỉnh bao gồm: tất cả các khu đô thị, thị trấn, thị tứ và một phần khu vực nông thôn lân cận.
- Xác định các mục tiêu phát triển bền vững trong đó trách nhiệm bảo vệ môi trường tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Giải pháp thực hiện:

- Tăng cường công tác đầu tư công nghệ xử lý nước theo hướng hiện đại hóa;

- Phối hợp với cơ quan, ban, ngành của địa phương, tuyên truyền tới người dân về việc bảo vệ nguồn nước, bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm, khai báo kịp thời với đơn vị cấp nước hoặc cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện sự cố công trình, hoặc phát hiện người có hành vi vi phạm công trình cấp nước.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế. Mặc dù kinh tế thế giới đã được cải thiện, Việt Nam có bước tăng trưởng GDP ngoạn mục 6,81%, song năm 2017 phải đối mặt từ bất ổn của nền kinh tế nóng, biến đổi khí hậu,... tác động đến nền kinh tế nước ta nói chung, trong đó có hoạt động SXKD của các doanh nghiệp trên địa bàn của tỉnh Lào Cai nói riêng, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đình trệ nên việc sử dụng nước cho sản xuất và sinh hoạt giảm theo, dẫn đến ảnh hưởng tới doanh thu của đơn vị cấp nước.

5.2. Rủi ro về luật pháp: Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay tuy đã được cải cách xong vẫn còn thiếu tính ổn định và tính nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi chưa cao, do vậy ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của công ty.

5.3. Rủi ro đặc thù.

a) *Rủi ro thất thu, thất thoát:* Với tốc độ đô thị hóa cao, một số hệ thống đường ống đầu tư đã lâu, việc thi công các công trình ngầm không đồng bộ dễ dẫn đến gây vỡ đường ống cấp nước, tình trạng gian lận nước sạch không qua đồng hồ đo đếm cũng góp phần làm tăng tỷ lệ thất thoát nước.

b) *Rủi ro đầu vào sản xuất:* Nguồn nước thô phụ thuộc vào sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nước, hiện nay nguồn nước ngày càng cạn kiệt do tác động môi trường và sự thiếu ý thức, trách nhiệm của con người; Chi phí điện năng chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá thành, giá điện có xu hướng ngày càng tăng cao nên ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

c) *Rủi ro giá đầu ra:* Lĩnh vực cấp nước là dịch vụ công cộng chịu sự kiểm soát của Nhà nước, nhà nước quy định giá nước phải luôn được tính đúng tính đủ và điều chỉnh sao cho hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp cấp nước và đối tượng sử dụng nước, Nhà nước ban hành các khung giá nước áp dụng cho từng khu vực. Song thực tế giá nước chưa được điều chỉnh kịp thời dẫn đến hạn chế trong hiệu quả SXKD của doanh nghiệp.

5.4. Rủi ro về môi trường

- Tình trạng ô nhiễm môi trường trong công tác xử lý nước mặt là không thể tránh khỏi do: Rác thải sinh hoạt của con người và rác thải của các hoạt động công nghiệp chưa được thu gom và xử lý đúng cách; Việc quản lý xả thải của hoạt động công nghiệp đã được chính phủ và địa phương triển khai thực hiện, song còn bất cập, thiếu đồng bộ, thiếu sự phối hợp của các ban ngành liên quan.

- Trong sản xuất nông nghiệp, phân bón làm tăng năng suất cây trồng và chất lượng của sản phẩm, giảm công sức lao động người dân. Song sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sẽ để lại lượng dư thừa thấm thấu vào nguồn nước gây ảnh hưởng đến môi trường nước.

5.5. Rủi ro khác: Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng xảy ra gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2017

Biểu 01. Kết quả hoạt động SXKD.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016 6/2016 - 12/2016 (7 tháng Cty CP) (BCTC hợp nhất)	Năm 2017		So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH 2017/ TH 2016	TH 2017 /KH 2017
1. Sản phẩm (Nước T/phẩm)	m ³	10.016.434	17.117.676	16.930.502		98,91
2. Tổng doanh thu	đồng	88.139.188.634	145.290.000.000	146.616.448.039		100,91
- Doanh thu SP nước	đồng	85.157.078.435	145.290.000.000	144.518.328.658		99,47
- Doanh thu xây lắp,	đồng	1.714.260.838		1.078.790.000		100,00
- Doanh thu khác	đồng	1.267.849.361		1.019.329.381		
3. Giá vốn hàng bán	đồng	67.018.063.705	114.389.438.361	108.465.775.502		94,82
- Giá vốn SP nước	đồng	65.441.757.209	113.469.913.361	107.489.542.066		94,73
- Giá vốn xây lắp	đồng	1.576.306.469		976.233.436		100,00
4. Giá bán BQ/m ³ chưa VAT	đồng	8.502	8.488	8.536		100,57
5. Lợi nhuận trước thuế	đồng	8.968.460.278	14.380.000.000	14.820.561.664		103,06
6. Lợi nhuận sau thuế	đồng	8.026.355.197	11.650.000.000	13.309.797.493		114,25
7. Tỷ lệ thất thoát (B.quân)	%	22	22	22		100,00
8. Nộp ngân sách Nhà nước	đồng		14.700.000.000	12.955.444.120		88,23
9. Tiền lương bình quân	đồng	8.417.000	8.417.000	7.608.000		90,39
10. Thu nhập bình quân	đồng	8.849.000		8.680.000		
11. Cổ tức	%		3,49	3,49		

(Nguồn dữ liệu: BCTC năm 2017 của công ty đã được kiểm toán)

a) Các thay đổi, biến động: Mặc dù chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần (từ 01/6/2016), song cơ cấu tổ chức của công ty vẫn tiếp tục được hoàn thiện, cùng với việc xây dựng và sửa đổi bổ sung hệ thống văn bản quản trị nội bộ phù hợp với mô hình mới và các quy định hiện hành của Nhà nước, thực hiện kế hoạch đào tạo nhằm phát huy năng lực cá nhân người lao động và sự phát triển của công ty.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch.

- Tổng Doanh thu đạt 101% kế hoạch, trong đó doanh thu sản phẩm chính (nước sạch) giảm 0,53%, doanh thu xây lắp tăng 100%.

- Tổng sản lượng nước thương phẩm giảm so với kế hoạch 1,09%, tuy nhiên giá tiêu thụ sản phẩm bình quân tăng 0,57% và Lợi nhuận sau thuế tăng so với kế hoạch đề ra 14,25%

cho thấy việc thực hiện chống thất thu nước bằng biện pháp rà soát và điều chỉnh mục đích sử dụng nước của khách hàng đã đem lại hiệu quả;

- Tiền lương bình quân giảm 9,61% dẫn đến thu nhập bình quân năm 2017 giảm 1,91% so với thu nhập bình quân năm 2016 (7 tháng công ty cổ phần), do sản lượng giảm, số lao động bình quân thực hiện trong năm tăng, bố trí tăng cường nhân lực cho các khu vực trạm bơm tăng áp (chủ yếu tại 02 chi nhánh thuộc thành phố Lào Cai và chi nhánh cấp nước huyện Sa Pa), đảm bảo áp lực nước cấp nước an toàn 24/24h.

- Do công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/6/2016, nên báo cáo tài chính năm 2016 là 7 tháng, Năm 2017 là 12 tháng, do đó không có sự tương thích về thời gian, Công ty không so sánh với năm trước liền kề (2016).

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1a. Danh sách Ban điều hành: (Biểu 02)

Họ và tên		Chức vụ hiện nay	Ngày tháng năm sinh	Trình độ CM	Số cổ phần có quyền biểu quyết			
					Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ %
						CP cá nhân	Cổ phần nhà nước	
1	Ngô Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	09/2/1961	Kỹ sư xây dựng	16.336.965	20.000	16.316.965	92,21
2	Phạm Hồng Quảng	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	11/12/1970	Kỹ sư xây dựng	13.100	13.100		0,074
3	Phạm Phương Thanh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	27/12/1965	Cử nhân hành chính	10.000	10.000		0,056
4	Lê Văn Mật	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	17/5/1973	Kỹ sư cấp thoát nước	9.000	9.000		0,051
5	Phạm Thị Hằng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	10/8/1967	Cử nhân kinh tế	10.000	10.000		0,056
6	Nguyễn Quốc Huy	Kế toán trưởng	13/11/1972	Cử nhân kinh tế	17.000	17.000		0,096

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không

2.1b. Ban kiểm soát: 03 người (trong đó 01 người chuyên trách)

Họ và tên		Chức vụ hiện nay	Ngày tháng năm sinh	Trình độ CM	Số cổ phần có quyền biểu quyết			
					Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ %
						CP cá nhân	Cổ phần nhà nước	
1	Lê Thị Hồng Vân	Trưởng Ban kiểm soát (Chuyên trách)	26/4/1974	Cử nhân kinh tế	15.000	15.000		0,085

(Nguồn dữ liệu: Sổ cổ đông)

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

a) Số lượng Lao động:

Ví trí công việc	ĐVT	Số lao động
1 Lao động trực tiếp SXKD		240
2 Lao động thừa hành, phục vụ		13
3 Lao động chuyên môn nghiệp vụ	Người	69
4 Lao động quản lý		34
5 Thư ký công ty		1
Tổng cộng		357

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của Công ty)

b) Chính sách đối với người lao động:

- Quỹ tiền lương: Việc trả lương thực hiện theo quy chế trả lương và xác định quỹ tiền lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016.

- Tiền thưởng được chi trả cho người lao động căn cứ Quy chế khen thưởng, căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại thông qua các đợt phát động thi đua. Chế độ tiền lương, thưởng do Tổng giám đốc công ty đề xuất được hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

- Thực hiện đóng nộp đầy đủ chế độ bảo hiểm, trang bị bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2017 tiếp tục thực hiện dự án chuyển tiếp, triển khai một số dự án mới gồm:

1. Dự án chuyển tiếp: Hợp phần cấp nước - Tiểu Dự án Lào Cai, thuộc dự án nâng cấp các đô thị loại vừa (sử dụng vốn vay WB). Dự án có TMĐT là **126,7** tỷ đồng, bắt đầu thi công từ tháng 4/2016. Năm 2017 tiếp tục thực hiện đầu tư đạt **30,366** tỷ đồng, công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào vận hành chạy thử với Tổng giá trị hoàn thành là **61,513** tỷ đồng.

2. Công ty triển khai bước chuẩn bị đầu tư một số dự án nâng cấp và mở rộng quy mô sản xuất nâng tổng công suất hoạt động từ **93.000m³/ngđêm** lên **104.500m³/ngđêm** vào năm 2020 (năng lực hoạt động tăng thêm **11.500m³/ng.đêm**)

3. Kết quả đầu tư.

Dự án - Công trình	Công suất (m3/ng.đêm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	2017		% TH/KH (sau ĐT)
			Kế hoạch	Thực hiện	
I. Duy trì cấp nước an toàn		16,772	16,772	15,725	93,76
II. Dự án đầu tư mới		106	21,089	9,985	47,34
1. Nâng công suất nhà máy nước Mường Khương	1.500 lên 3.000	9,9			
2. Nâng cấp mở rộng HTCN, thị trấn Bát Xát	1.000 lên 5.000	64,5			
3. Nâng công suất nhà máy nước Cốc San	18.000 lên 24.000	11,5			
4. Lắp đặt thiết bị phòng thí nghiệm		2,5	2,500	2,021	80,84
5. Các công trình khác		20,1	18,589	7,964	42,8
III. Dự án chuyển tiếp		126,7	30,5	30,366	≈100
1. Hợp phần cấp nước -Tiểu DA các đô thị loại vừa (vốn WB)		126,7	30,5	30,366	
Cộng		249,472	68,361	56,076	82,39

(Nguồn: Báo cáo kế hoạch của Ban TGD)

3.2. Công ty liên kết:

Tên công ty: **Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai**

a) Tóm tắt hoạt động:

Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai (sau đây gọi tắt là công ty), đến thời điểm ngày 01/11/2017 công ty đã tăng vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính thì công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai không còn là công ty mẹ của công ty này, tỷ lệ vốn góp của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nắm giữ **24,992%** tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với vốn góp, do đó không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính của công ty này và không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ kế toán 2017.

b) Tình hình tài chính. (Không kiểm soát)

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính.

(số liệu năm 2016 là số liệu hợp nhất)

Biểu 03.

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/6/2016 đến 31/12/2016		Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Tăng, giảm (%)
		BCTC hợp nhất	BCTC riêng		
1	Tổng giá trị tài sản	326.483.366.003	322.243.866.113	352.185.348.945	
2	Doanh thu thuần	87.841.013.637	86.871.339.273	145.597.118.658	
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	8.727.689.241	8.644.121.686	14.505.397.021	
4	Lợi nhuận khác	240.771.037	256.939.831	315.164.643	
5	Lợi nhuận trước thuế	8.968.460.278	8.901.061.517	14.820.561.664	
6	Lợi nhuận sau thuế	8.026.355.197	7.999.836	13.309.797.493	
7	Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn	2,72%	2,72	3,49%	

(Nguồn dữ liệu: BCTC năm 2017 của công ty đã được kiểm toán)

Chú thích: Các chỉ tiêu tài chính tại biểu trên năm tài chính 2016 là số liệu hoạt động 7 tháng (thời điểm chuyển đổi mô hình công ty sang công ty cổ phần 1/6/2016), chỉ tiêu năm 2017 là số liệu hoạt động của 12 tháng. Do không tương thích về thời gian hoạt động của một niên độ kế toán, vì vậy không so sánh chỉ tiêu tăng giảm.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Biểu 04. Chỉ tiêu		01/01/2017 - 31/12/2017	Ghi chú
1	Khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,46	
	Hệ số thanh toán nhanh	1,36	
2	Cơ cấu vốn		
	Nợ dài hạn / Vốn CSH	0,57	
	Tổng nợ / Tổng tài sản	0,45	
	Tổng nợ / Vốn CSH	0,81	
3	Năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	23,01	
	Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,41	
4	Khả năng sinh lợi		
	Tỷ lệ lãi gộp	0,102	
	Tỷ lệ lãi từ hoạt động kinh doanh	0,1	
5	Hiệu quả quản lý		
	Tỷ lệ thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	0,08	
	Tỷ lệ thu nhập trên tài sản (ROA)	0,04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Tên cổ phiếu	Mã cổ phiếu	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu đang lưu hành		
			Cổ đông Nhà nước	Cổ đông khác	
				Cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng
Cổ phiếu công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai	LWS	Phổ thông	16.316.965	585.500	815.200
Cộng			16.316.965	1.400.700	
Tổng cộng				17.717.665	

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Đối tượng	Số cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. Cổ đông trong nước	334	17.717.665	177.176.650.000	100
Cổ đông nhà nước (UBND tỉnh Lào Cai)	01	16.316.965	163.169.650.000	92,09
Cổ đông khác	333	1.400.700	14.007.000.000	7,91
2. Cổ đông nước ngoài	0	0		0
Cộng	334	17.717.665	177.176.650.000	100

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Biểu 05.	Nội dung	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Ghi chú
	Vốn đầu tư của CSH đầu kỳ	17.162.710	172.454.765.862	
	1. Vốn góp của chủ sở hữu	17.162.710	171.627.100.000	
	2. Lợi nhuận chưa phân phối		827.665.862	
	Thay đổi trong năm			
	1. Chào bán ra công chúng			
	2. Chào bán riêng lẻ			
	3. Phát hành cổ phiếu thưởng			
	4. Trả cổ tức bằng cổ phiếu			
	5. Tăng vốn đầu tư CSH	554.955	5.549.550.000	
	6. Lợi nhuận chưa phân phối		13.309.797.493	
	Vốn đầu tư của CSH cuối kỳ	17.717.665	191.314.113.355	

Vốn đầu tư của CSH trong đó bao gồm cả khoản lợi nhuận chưa phân phối 827.665.862 đồng (năm 2016) là lợi nhuận từ hoạt động tài chính, chênh lệch tỷ giá do đánh

giá lại số dư ngoại tệ vay ODA của chính phủ Pháp. Khoản lợi nhuận này không được chia hoặc trả cổ tức (Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 21/10/2012 của Bộ Tài chính).

5.4. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* (Không)

5.5. *Các chứng khoán khác:* (Không)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. *Quản lý nguồn nguyên vật liệu:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

	Nguyên vật liệu	ĐVT	Số lượng sử dụng	Ghi chú
1	Clo khí	Kg	39.400	
2	Clo bột	Kg	5.040	
3	Phèn PAC	Tấn	331	
4	Phèn đơn	Tấn	93	
5	Polyme	Kg	1.100	
6	Soda Na ₂ CO ₃ 99,2%	Kg	26.000	
7	Vôi bột - Can xi Oxit (CaO)	Kg	16.000	

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo kế hoạch của Ban Tổng giám đốc.)

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức. (Không)

6.2. *Tiêu thụ năng lượng:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

	Đơn vị sử dụng	Sản lượng (Kwh)	Ghi chú
1.	CN cấp nước số 1 TP Lào Cai	4.797.075	
2.	CN cấp nước số 2 TP Lào Cai	329.077	
3.	CN cấp nước Huyện Bảo Thắng	388.023	
4.	CN cấp nước Huyện Bảo Yên	352.943	
5.	Chi nhánh cấp nước Huyện Sa Pa	205.652	
6.	CN cấp nước Huyện Mường Khương	8.923	
7.	CN cấp nước Huyện Bắc Hà	12.450	
8.	CN cấp nước Huyện SiMaCai	226.511	
9.	CN cấp nước Huyện Bát Xát	13.239	
10.	CN cấp nước Huyện Văn Bàn	22.068	
11.	CN cấp nước Khu CN Tầng Loong	526.563	
	Cộng	6.882.524	

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo kế hoạch của Ban Tổng giám đốc)

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả. (không)

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng. (không)

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng trong năm;

Đơn vị sử dụng	SL khai thác nước thô (m ³)	Nguồn nước
1. CN cấp nước số 1 TP Lào Cai	12.567.480	Sông nậm thi; suối ngòi đum
2. CN cấp nước số 2 TP Lào Cai	365.000	Suối mỏ đá P.Pom Hán.
3. CN cấp nước Huyện Bảo Thắng	659.774	Sông Hồng; suối Ngòi Lu
4. CN cấp nước Huyện Bảo Yên	546.850	Sông chảy
5. Chi nhánh cấp nước Huyện Sa Pa	1.903.559	Thác Bạc, Suối Hồ, suối hồ 2, suối Nhà pha, suối cửa rừng
6. CN cấp nước Huyện Mường Khương	447.908	Suối Sả Hồ (Sao đỏ)
7. CN cấp nước Huyện Bắc Hà	524.700	Suối Tả Ngải Chồ (Phụ lưu cấp 2 sông chảy)
8. CN cấp nước Huyện SiMaCai	310.496	Nguồn Mạch Lộ, khu TT phố cũ
9. CN cấp nước Huyện Bát Xát	480.911	Suối Bản Vai
10. CN cấp nước Huyện Văn Bàn	507.297	Suối Nậm Đén, Nậm Xóm
11. CN cấp nước Khu CN Tăng Loong	5.018.201	Nguồn Ngòi bo, Suối Trát
Cộng	23.332.176	

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo kế hoạch của Ban Tổng giám đốc)

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: (không)

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. 0 (không)

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. 0 (không).

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động (NLĐ).

a) Số lượng lao động (LĐ), mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động	Lao động nữ	Lao động nam	Mức lương trung bình
357	115	242	8,8 triệu đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người NLĐ.

Để đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, công ty xây dựng các quy định thể hiện trong nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể. Mỗi năm tổ chức 01 đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thực hiện chi trả chế độ ăn giữa ca; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Hàng năm tổ chức tập huấn an toàn lao động ít nhất 1 lần/năm. Giải quyết đầy đủ chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, phép, trợ cấp khó khăn, thăm hỏi hiếu, hỉ. Tổ chức

thăm quan nghỉ mát cho người lao động. Đặc biệt quan tâm lao động nữ, bố trí công việc phù hợp, tổ chức tọa đàm và tặng quà cho chị em vào dịp các ngày 8/3 và 20/10.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

Đối tượng đào tạo	Nội dung đào tạo	Số người được đào tạo	Số giờ đào tạo TB / năm
1. Đào tạo thường xuyên			
Nhân viên CMNV	Tập huấn về văn bản pháp luật; chuyên môn nghiệp vụ	21	20
Công nhân kỹ thuật, bán hàng	An toàn lao động; kỹ năng giao tiếp; thu thập dữ liệu ngoài hiện trường bằng thiết bị di động; PCCC	213	11,3
2. Chương trình phát triển kỹ năng, học tập liên tục	Đại học, trên đại học	5	640

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Trong năm công ty tham gia hoạt động hỗ trợ “mái ấm tình thương”, ủng hộ xây nhà tình nghĩa, ủng hộ và hỗ trợ nhân đạo từ thiện, ngày vì người nghèo, “chất độc màu da cam”..... thông qua các phong trào do UBMT tổ quốc tỉnh Lào Cai, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội CCB, Hội chữ thập đỏ phát động tổng số tiền ủng hộ là 307 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. (không)

III. Báo cáo kết quả kinh doanh của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Phân tích tổng quan: Trên cơ sở số liệu tại báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty (được tóm tắt tại **Biểu 01**), và các chỉ tiêu tài chính đạt được (Theo **Biểu 4**), công ty đã thực hiện hoàn thành so với kế hoạch đề ra. Ban Tổng giám đốc công ty xin được đưa ra một số ý kiến đánh giá như sau.

Chỉ tiêu đạt được so với kế hoạch:

+ Tổng Doanh thu đạt 101%, lợi nhuận tăng 14,25%, giá nước bình quân tăng 0,57%.

+ Các chỉ tiêu kinh tế đạt được cho thấy tình hình quản trị doanh nghiệp tốt, công ty SXKD hiệu quả (tỷ lệ lãi gộp = 10,2%), bảo toàn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được.

➤ Lĩnh vực sản xuất và quản lý chất lượng nước.

- Hoạt động sản xuất ổn định và phát triển, từng bước áp dụng công nghệ tự động hóa vào quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.

- Cấp nước an toàn, chất lượng nước đảm bảo quy định của Bộ y tế về nước sinh hoạt theo Quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT. Chất lượng nước được giám sát bởi Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lào Cai. Hoàn thành ĐTXD phòng thí nghiệm chất lượng nước đạt chuẩn

ISO/IEC 17025:2005 theo thông tư 50/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế quy định việc kiểm tra vệ sinh chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt, dự kiến tháng 12/2018 đi vào hoạt động.

➤ Lĩnh vực kinh doanh, tiêu thụ.

- Tiếp tục tăng cường công tác chống thất thoát thông qua việc thay thế các tuyến ống gang, ống thép cũ có hiện tượng rò rỉ do bị ăn mòn và oxi hóa, nâng cấp mở rộng các tuyến ống quá tải; Cải tạo thay thế đồng hồ định kỳ theo quy định của Bộ Khoa học và công nghệ.

- Về công tác chống thất thu, năm 2017 công ty xác định là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục thông qua việc thực hiện rà soát, kiểm tra xác định mục đích sử dụng nước của khách hàng, nhằm phát hiện sai sót, thay đổi để điều chỉnh kịp thời, áp giá đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng, góp phần tăng doanh thu, nâng cao hiệu quả quản lý của Ban điều hành.

➤ Công tác quản trị:

- Công ty hoàn thiện việc xây dựng, sửa đổi bổ sung hệ thống văn bản quản trị nội bộ trên cơ sở văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, gắn với tình hình thực tiễn nhằm quản lý chặt chẽ trong công tác tài chính; phân công nhiệm vụ rõ ràng, trên cơ sở đó mỗi bộ phận, cá nhân người lao động nâng cao ý thức, trách nhiệm.

- Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho người lao động cả về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị; đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản: (Biểu 6)

TT	Tài sản	Năm 2016		Năm 2017		Chênh lệch giá trị		Chênh lệch cơ cấu
		Giá trị	%	Giá trị	%	Mức tăng	%	
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	51.137.477.064	15,87	67.815.152.009	19,26	16.677.674.945	32,61	3,39
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	24.430.064.106	7,58	41.598.458.516	11,81	17.168.394.410	70,28	4,23
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn							
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	19.041.365.503	5,91	19.704.976.253	5,60	663.610.750	3,49	-0,31
IV	Hàng tồn kho	5.429.151.489	1,68	4.713.846.199	1,34	-715.305.290	- 13,18	-0,35
V	Tài sản ngắn hạn khác	2.236.625.966	0,69	1.797.871.041	0,51	-438.754.925	- 19,62	-0,18
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	271.106.389.049	84,13	284.370.196.936	80,74	13.263.807.887	4,89	-3,39
I	Các khoản phải thu dài hạn							
II	Tài sản cố định	227.025.076.184	70,45	221.123.456.931	62,79	-5.901.619.253	-2,6	-7,67
1	Tài sản cố định hữu hình	226.979.344.063	70,44	221.090.801.174	62,78	-5.888.542.889	-2,59	-7,66
2	Tài sản CD thuê tài chính							
3	Tài sản cố định vô hình	45.732.121	0,01	32.655.757	0,01	13.076.364	-28,59	0,00
III	Tài sản dở dang dài hạn	42.775.067.550	13,27	62.213.953.422	17,67	19.438.885.872	45,44	4,39
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	587.858.619	0,18	504.938.354	0,14	-82.920.265	-14,11	-0,04
1	Đầu tư vào công ty con	792.260.000	0,25			-792.260.000	-100	-0,25
2	Đầu tư vào công ty LDLK			792.260.000	0,22	792.260.000	100	0,22
4	Dự phòng đầu tư tài chính	- 204.401.381	-0,06	- 287.321.646	-0,08	-82.920.265	40,57	-0,02
V	Tài sản dài hạn khác	718.386.696	0,22	527.848.229	0,15	-190.538.467	-26,52	-0,07
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	322.243.866.113	100	352.185.348.945	100	29.941.482.832	9,29	-

(Nguồn dữ liệu: BCTC của công ty năm 2017 đã được kiểm toán và phân tích).

Qua biểu tài sản cho thấy:

(i) Năng lực kinh tế thực sự của tài sản công ty:

- Tài sản ngắn hạn của công ty hiện nay trên thị trường có giá trị kinh tế.
- + Tiền và các khoản tương đương tiền tương đối lớn (tăng 70,28% so với cùng kỳ năm trước) luôn có số dư bình quân trong năm ổn định. Hệ số thanh toán nhanh = 1,36 cho thấy khả năng chuyển đổi trên thị trường thuận lợi và có dấu hiệu tác động tích cực đến tiềm năng kinh tế của doanh nghiệp trong kỳ kế toán tiếp theo.
- + Đối với các khoản phải thu đến 31/12 là 19,704 tỷ đồng, gồm: (i) là khoản thu tiền nước của các cơ quan hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp có uy tín, nên đây là khoản phải thu chắc chắn và thu được ngay trong tháng sau (17,3 tỷ đồng chiếm 87,8%/ nợ phải thu). (ii) khoản thu do tạm ứng trước cho người bán (1,173 tỷ đồng chiếm 6%/nợ phải thu), (iii) phải thu khác từ các đơn vị nội bộ và CBCNV của công ty tạm ứng để thực thi nhiệm vụ SXKD (1,224 tỷ đồng chiếm 6,2%/ nợ phải thu). Do đó, các khoản nợ phải thu là xác thực.
- + Hàng tồn kho năm 2017 giảm so với hàng tồn kho năm 2016, cho thấy công ty không bị ứ đọng tiền mặt trong khâu hàng tồn kho/giá vốn. Hàng tồn kho có tính hữu dụng trong sản xuất kinh doanh. Khoảng 10%/15% số vật tư lạc hậu tồn năm trước đã được công ty cải tạo, sửa chữa, gia công để đưa vào sử dụng, nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản xuất.
- + Tài sản ngắn hạn khác có khả năng thu hồi và là khoản thu chắc chắn (thu bù trừ hoàn thuế VAT đầu vào với VAT đầu ra).
- Đối với tài sản cố định của công ty hiện có nguyên giá là 432,4 tỷ đồng (tăng 27 tỷ đồng so với năm 2016 do công ty đầu tư mở rộng quy mô sản xuất), hệ số hao mòn = 0,49 (<1) cho thấy TSCĐ của doanh nghiệp được đổi mới, có giá trị hữu dụng và giá trị kinh tế trên thị trường.

(ii) Sự chuyển biến của các khoản mục tài sản.

Qua số liệu báo cáo và các chỉ số phân tích tại **Bảng 6** cho thấy:

- Tài sản ngắn hạn so với năm trước (2016) tăng 32,61% nguyên nhân chủ yếu là tăng vốn bằng tiền 17,168 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 70,28% và tăng các khoản phải thu ngắn hạn 663,6 triệu đồng tương ứng tỷ lệ 3,49%, trong đó:
 - ✓ Số phải thu ngắn hạn mặc dù tăng 3,49% so với năm trước song giảm tỷ trọng trong cơ cấu tài sản là 0,31%, điều đó thấy rằng công ty đã đẩy mạnh khâu bán hàng thu tiền ngay trong kỳ, không bị ứ đọng, mặt khác một số nguồn từ các quỹ chưa sử dụng, lợi nhuận trả cổ tức chưa chia làm cho vốn bằng tiền tăng.
 - ✓ Tỷ trọng hàng tồn kho giảm 13,18% do đã được công ty luân chuyển sang quá trình sản xuất, lắp đặt mở rộng tuyến ống cấp nước và phát triển khách hàng, kế hoạch mua sắm vật tư đầu vào hợp lý tránh tình trạng ứ đọng vốn.
 - ✓ Giảm tài sản ngắn hạn khác 19,62% thu hồi được tài sản ngắn hạn khác thông qua khấu trừ thuế VAT.
- Tài sản dài hạn so với năm 2016 tăng 13,263 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 4,89% , việc tăng tài sản chủ yếu do thực hiện đầu tư dở dang tăng 19,438 tỷ đồng tương ứng tăng tỷ

lệ 45,44%, tăng tỷ trọng trong cơ cấu tài sản 4,39%. Công ty cần đẩy mạnh tiến độ đầu tư, sớm đưa tài sản vào hoạt động sản xuất nhằm phát huy hiệu quả.

- Cơ cấu tài sản dịch chuyển từ tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn là 3,39% là phù hợp, tốc độ đầu tư nâng cấp tài sản giảm do công trình xây dựng đã vào giai đoạn kết thúc, đảm bảo tiến độ thi công.

b) Tình hình nợ phải trả.

- Tình hình nợ đến 31/12/2017:

Biểu 7. Nguồn vốn

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Chênh lệch giá trị		Chênh lệch cơ cấu (%)
		Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Mức tăng	Tỷ lệ %	
C	NỢ PHẢI TRẢ	147.366.448.341	45,73	157.289.875.354	44,66	9.923.427.013	6,73	-1,07
I	Nợ ngắn hạn	44.395.613.558	13,78	46.407.787.185	13,18	2.012.173.627	4,53	-0,60
1	Phải trả người bán ngắn hạn	2.067.661.495	0,64	11.084.822.234	3,15	9.017.160.739	436,10	2,51
2	Người mua trả tiền trước NH	50.000.000	0,02	159.660.364	0,05	109.660.364	219,32	0,03
3	Thuế, các khoản phải nộp NN	997.903.752	0,31	1.002.556.371	0,28	4.652.619	0,47	-0,03
4	Phải trả người lao động	3.711.520.100	1,15	4.149.888.900	1,18	438.368.800	11,81	0,03
5	Phải trả ngắn hạn khác	16.396.657.933	5,09	13.259.470.248	3,76	-3.137.187.685	-19,13	-1,32
6	Vay và nợ thuê tài chính	14.349.059.853	4,45	15.547.403.643	4,41	1.198.343.790	8,35	-0,04
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.822.810.425	2,12	1.203.985.425	0,34	-5.618.825.000	-82,35	-1,78
II	Nợ dài hạn	102.970.834.783	31,95	110.882.088.169	31,48	7.911.253.386	7,68	-0,47
1	Vay và thuê nợ tài chính	102.970.834.783	31,95	110.882.088.169	31,48	7.911.253.386	7,68	-0,47
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	174.877.417.772	54,27	194.895.473.591	55,34	20.018.055.819	11,45	1,07
I	Vốn chủ sở hữu	173.171.982.912	53,74	192.031.330.405	54,53	18.859.347.493	10,89	0,79
1	Vốn góp của CSH	171.627.100.000	53,26	177.176.650.000	50,31	5.549.550.000	3,23	-2,95
2	Quỹ đầu tư phát triển	717.217.050	0,22	717.217.050	0,20	0	0,00	-0,02
3	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	827.665.862	0,26	14.137.463.355	4,01	13.309.797.493	1608,11	3,76
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.705.434.860	0,53	2.864.143.186	0,81	1.158.708.326	67,94	0,28
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	322.243.866.113	100	352.185.348.945	100	29.941.482.832	9,29	-

- Nợ phải trả trong năm tăng mạnh 9,923 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 6,73% so với 2016 do:

+ Nợ ngắn hạn tăng 2,012 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 4,53% chủ yếu là: (i) khoản vay ngân hàng (thực hiện đầu tư dự án vốn vay WB) đến hạn trả tăng 1,198 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 8,35%, (ii) khoản phải trả người bán tăng 9,017 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 436,1%. (iii) các khoản phải trả ngắn hạn khác giảm 3,1 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 19,13% đảm bảo thanh toán theo hợp đồng; (iv) quỹ khen thưởng phúc lợi giảm 5,618 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 82,35%. Sự thay đổi trên là hợp lý do công ty mở rộng quy mô sản xuất, nghiệm thu khối lượng XDCB hoàn thành và mua vật tư phục vụ SXKD, công ty chiếm dụng được một lượng vốn của người bán. Việc chi khen thưởng cho người lao động và các hoạt động phúc lợi khác

nhằm động viên, khuyến khích người lao động cống hiến nhiều hơn nữa cho sự nghiệp phát triển của công ty.

+ Vay dài hạn tăng 7,911 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 7,68% (khoản vay số 5031-VN vay của WB) thực hiện hợp phần cấp nước thuộc dự án phát triển các đô thị loại vừa - Tiểu dự án Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Về nợ phải trả xấu: Không có nợ xấu.

- Vốn chủ sở hữu năm tăng 20,017 tỷ đồng tương ứng tăng tỷ lệ 11,45%, trong đó: (i) Vốn chủ sở hữu tăng 5,549 tỷ đồng (*làm tăng vốn nhà nước từ 157,21 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ năm giữ 91,84% lên 163,169 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ năm giữ là 92,09%*) do công trình xây dựng hoàn thành được đầu tư bằng nguồn ngân sách; (ii) Lợi nhuận chưa phân phối tăng 13,309 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 1608,11% là khoản lợi nhuận thu được từ sản xuất kinh doanh 2017 chưa phân phối, khoản lợi nhuận này sẽ được phân phối vào các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua, dự kiến tổ chức vào 28/4/2018. (iii) Nguồn kinh phí và quỹ khác tăng 1,158 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 67,94% là khoản 10% được giữ lại theo quy định để từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt chi trả cho người lao động.

- Về cơ cấu nguồn vốn: Mặc dù nợ phải trả tăng nhưng cơ cấu vốn giảm 1,07% so với năm 2016 (nợ ngắn hạn giảm 0,6%, nợ dài hạn giảm 0,47%), trong khi đó vốn chủ sở hữu tăng 1,07% cho thấy, CSH chủ động được nguồn vốn, hạn chế rủi ro về tài chính. Tuy nhiên, việc tăng vốn CSH được thực hiện theo quyết định phê duyệt quyết toán công trình đầu tư hoàn thành trong đó có một phần vốn từ nguồn ngân sách (thực hiện giải ngân từ năm 2012 - 2016), và được chấp thuận tại phương án cổ phần theo quyết định số 4344/QĐ-UBND ngày 30/11/2015), chưa được công ty nộp hồ sơ chào bán chứng khoán theo Luật chứng khoán.

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Với khoản vay của chính phủ Pháp (bằng EUR) để đầu tư xây dựng nhà máy nước Lào Cai (Giai đoạn II), công ty áp dụng tỷ giá tính chéo của đồng tiền VNĐ so với EUR tại thời điểm thanh toán theo công bố của ngân hàng nhà nước. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối kỳ (tỷ giá tăng) được hạch toán vào chi phí kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Để đạt được kết quả theo trình bày trên, HĐQT và Ban TGD đã có định hướng đúng trong chiến lược SXKD đồng thời chú trọng việc cải tiến hệ thống quản lý, ổn định tổ chức, nhằm phù hợp với từng thời kỳ phát triển của Công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, kỹ năng giao tiếp với khách hàng cho người lao động, áp dụng khoa học kỹ thuật trong SXKD và công tác điều hành, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện, xác định rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân cụ thể là: Công tác điều hành quản trị công ty luôn được cập nhật, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định quản trị nội bộ doanh nghiệp phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành và thực tiễn của công ty; Tiếp tục cải tiến chính sách tiền lương, tiền thưởng của người lao động; Duy trì, khuyến khích khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt, nâng cao tỷ trọng thanh toán tiền nước qua ngân hàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Về sản xuất kinh doanh: Tiếp tục kế hoạch phát triển đã được xây dựng theo phương án cổ phần được duyệt, đồng thời điều chỉnh phù hợp với tốc độ phát triển đô thị của tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, nâng tổng công suất hoạt động từ $93.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ lên $133.500\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (năm 2025) và $193.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (năm 2030). Duy trì ổn định và phát triển mạng lưới cung cấp nước cũng như thị trường tiêu thụ nước của Công ty; đổi mới, nâng cao kỹ năng quản lý; cải tiến dây truyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động, hiệu quả, trung thực, đoàn kết và cầu thị.

- Về quản lý tài chính: Tiếp tục hoàn thiện năng lực quản lý tài chính Công ty, quản lý các nguồn đầu tư dài hạn, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Thực hiện thoái vốn nhà nước sau khi Nghị quyết được đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Về tổ chức bộ máy hoạt động: Ổn định cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động phù hợp với tốc độ phát triển, tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, thống nhất, tận tâm vì mục tiêu phát triển chung của Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.

Tại mục **Vấn đề cần nhấn mạnh** trong Báo cáo kiểm toán độc lập do công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam phát hành ngày 16/3/2018 có nêu: “*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính trong năm, công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 171.627.100.000 đồng lên 177.176.650.000 đồng (tăng 5.549.550.000 đồng) nhưng chưa thực hiện nộp hồ sơ chào bán chứng khoán cho cơ quan chức năng trước khi thực hiện*”.

Ban Tổng giám đốc xin được giải trình như sau:

- Việc tăng vốn chủ sở hữu 5.549.550.000 đồng là giá trị công trình được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tỉnh (vốn đối ứng và vốn hỗ trợ 50%) gồm 02 công trình đó là: (i) Hợp phần cấp nước - Thị trấn Sa Pa thuộc dự án đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn Sa Pa tại quyết định 3316/QĐ-UBND ngày 05/12/2007 được đầu tư từ nguồn vay của chính phủ Pháp (AFD). (ii) Công trình Hệ thống cấp nước tiểu khu đô thị số 4 - Khu đô thị mới Lào Cai Cam Đường.

- Theo Phương án cổ phần hóa được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 4344/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 (Mục II, trang 38) nêu rõ: “*Đối với phần vốn ngân sách nhà nước cấp tại các dự án chưa quyết toán sẽ được bổ sung tăng vốn điều lệ và tính vào phần vốn Nhà nước tại công ty cổ phần sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán công trình. Dự kiến vốn Điều lệ tăng từ 171 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng*”. Như vậy, việc tăng vốn điều lệ trên là đúng theo quyết định của CSH và đảm bảo việc quản lý vốn nhà nước không bị thất thoát.

- Ngày 09/4/2018 Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 40/2017/GCNCP-VSD-1 (thay đổi lần thứ 1)

Với số vốn điều lệ là: 177.176.650.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đăng ký bổ sung là 554.955 cổ phiếu.

Giá trị cổ phiếu đăng ký bổ sung: 5.549.550.000 đồng.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và XH của công ty.

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

- Trách nhiệm đối với môi trường được công ty xác định là một trong những tiêu chí về phát triển bền vững và là vấn đề quan trọng cấp bách hiện nay. Với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và cung cấp nước sạch, sản phẩm tiêu thụ liên quan trực tiếp đến sức khỏe của người dân, do đó công ty quan tâm hàng đầu đến chất lượng nước, đảm bảo quy định của Bộ Y tế về nước sinh hoạt và ăn uống; công ty tiếp tục áp dụng công nghệ sạch như: Sử dụng chủng loại vật tư đường ống, phụ kiện phù hợp, bền vững ít bị tác động của môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền tới người dân về việc bảo vệ nguồn nước và công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm. Nghiên cứu lộ trình thay đổi nguồn nước thô đối với một số khu vực nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước.

- Trong việc sử dụng năng lượng, công ty luôn nâng cao ý thức trách nhiệm, sử dụng tiết kiệm. Lựa chọn áp dụng dây truyền công nghệ hiện đại, tiêu hao ít năng lượng hoặc lợi dụng thuận lợi về địa hình, hạn chế sử dụng năng lượng.

- Việc xả thải ra môi trường tuân thủ đúng quy định.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Công ty thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo đúng quy định Luật Lao động. Thực hiện đúng nội quy, quy chế lao động, đã tiến hành điều chỉnh sửa đổi bổ sung lương tối thiểu vùng, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Việc chăm lo đời sống ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động luôn được công ty chú trọng. NLĐ được bố trí đủ việc làm, được giải quyết đầy đủ chế độ chính sách theo Luật lao động và luật khác có liên quan như: Tiền lương, tiền thưởng theo kết quả kinh doanh của công ty và mức độ hoàn thành của NLĐ; hỗ trợ khó khăn, đóng nộp các loại bảo hiểm đầy đủ. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, thăm quan nghỉ mát, tham gia phong trào văn nghệ, thể thao tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động, nhằm tái tạo sức lao động, qua đó nâng cao hiệu quả SXKD của công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương.

- Trong năm qua công ty tham gia tích cực vào hoạt động từ thiện, nhân đạo, chung tay góp sức hưởng ứng phong trào “xóa đói giảm nghèo”, “mái ấm tình thương”, “mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo”; ủng hộ xây dựng các quỹ hỗ trợ nông dân.....

- Tiếp tục duy trì việc áp dụng giá nước tiêu thụ nhỏ hơn giá thành đối với vùng nông thôn và đồng bào thiểu số và khu dân cư có thu nhập thấp.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017, dưới sự định hướng và giám sát của Hội đồng quản trị, công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu.

a) Về sản xuất kinh doanh:

- Công ty đã đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của các cơ quan và nhân dân trên địa bàn các đô thị, khu công nghiệp trong toàn tỉnh. Sản xuất kinh doanh hoàn thành vượt kế hoạch. Lợi nhuận tăng 14,25% so với kế hoạch. Hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách.

- Công tác tài chính, kế toán được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

- Công tác đầu tư mở rộng sản xuất hiệu quả, kịp thời, quản lý theo đúng trình tự xây dựng cơ bản, đảm bảo tiến độ.

b) Công tác tổ chức nhân sự, chính sách đối với người lao động

- Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy tổ chức, thực hiện luân chuyển, lấy phiếu tín nhiệm cán bộ quản lý một số vị trí nhằm tăng cường hiệu quả của công tác quản lý.

- Rà soát mức lương của người lao động đảm bảo quy định mức lương tối thiểu vùng theo đúng quy định của Nhà nước.

- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe, giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động; tạo đủ việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập 8,68 triệu đồng đạt ở mức khá so với mặt bằng chung trong tỉnh.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Đi đôi với giữ ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty luôn là đơn vị dẫn đầu trong công tác bảo vệ môi trường.

- Trong việc sử dụng năng lượng, công ty luôn nâng cao ý thức trách nhiệm, sử dụng tiết kiệm, áp dụng dây truyền công nghệ hiện đại, tiêu hao ít năng lượng hoặc lựa chọn vị trí nguồn nước tự chảy, hạn chế sử dụng năng lượng.

- Việc xả thải ra môi trường tuân thủ đúng quy định.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty.

- Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động SXKD tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ hoạt động của công ty, Nghị quyết của HĐQT. Ban Tổng giám đốc đã có sự phân công nhiệm vụ cho từng thành viên gắn với trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chủ trương, nghị quyết của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty đã tổ chức điều hành tốt mọi hoạt động của Công ty theo kế hoạch đã được Đại hội thông qua và quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2018, HĐQT xây dựng kế hoạch hoạt động và định hướng sau:

1. Mở rộng quy mô sản xuất, nâng tổng công suất hoạt động từ 93.000m³/ng.đêm lên 104.500m³/ng.đêm vào năm 2020, nâng lên 133.500m³/ngđêm vào năm 2025 và 193.000m³/ngđêm vào năm 2030;

2. Thực hiện thoái vốn nhà nước theo quy định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng chính phủ và kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh tối thiểu thoái 40,84%. Công ty dự kiến 2018 thoái 47% (Nhà nước còn nắm giữ 45%).

3. Tăng cường công tác quản trị thông qua:

- Công tác khảo sát sức tiêu thụ của khách hàng và dự báo, quản lý tài chính theo quy chế chi tiêu nội bộ;

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoặc đột của Ban điều hành, Ban kiểm soát xuất nhằm đảm bảo tài chính của Công ty an toàn, hiệu quả;

- Thực hiện chức năng theo đúng phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo Điều lệ của Công ty và các quy chế, quy định khác.

4. Kế hoạch định hướng 2018

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)		(%) tăng trưởng so với thực hiện năm 2017
	TMĐT	KH 2018	
1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh			
- Doanh thu		154	5
- Lợi nhuận		14	5,2
2. Đầu tư dự án	263,1	31,7	-
(1) Nâng công suất NMN Cốc San từ 18.000m ³ /ngđêm lên 24.000m ³ /ngđêm.	11,5	6,5	
(2) Mở rộng HTCN huyện Bát Xát	64,5	3,5	
(3) Nâng công suất NMN Mường Khương 1.500m ³ /ngđêm lên 3000m ³ /ngđêm	9,9	6,7	
(4) Xây dựng NMN Làng Giàng - huyện Văn Bàn 3.000m ³ /ng.đêm	50,5	1,5	
(5) Hợp phần cấp nước - Tiểu DA nâng cấp đô thị loại vừa (vốn WB)	126,7	13,5	
3. Duy trì cấp nước an toàn, mở rộng tuyến ống (Phát triển tuyến mạng 8,6 tỷ đồng; sửa chữa thường xuyên và duy trì đầu nối 11 tỷ đồng; lắp đặt thay thế đồng hồ 5,3 tỷ đồng).	33,9	24,9	-
4. Nộp ngân sách		13,5	4,2
5. Chia cổ tức (%)		4,5	1,01
6. Tiền lương bình quân (Triệu đồng/người/tháng)		7,772	-

V. Quản trị công ty. (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán.

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

(Trích văn bản số 137-17/BC-TC/III-VAE ngày 16/3/2018 của Công ty kiểm toán và định giá Việt Nam về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai).

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Toàn văn bản báo cáo tài chính năm 2017 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 - 31/12/2017 đã được kiểm toán và đăng tải chi tiết tại địa chỉ Website: capnuoclaocai.com.vn vào ngày 20/3/2018.

Nơi nhận

- UBCK Nhà nước;
- Sở tài chính;
- Thành viên HĐQT, BTGD, BKS;
- Lưu VT, HĐQT, Thư ký.

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT



Ngô Thanh Phương